

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2024/DS-ST
Ngày: 29/08/2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.
2. Bà Võ Thị Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 550/2023/TLST-DS ngày 23/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2024/QĐXXST-DS ngày 09/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 471/2024/QĐST-DS ngày 02/08/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T; địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Gia Thế, sinh năm: 1971; địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1990; địa chỉ: nhà không số, tổ 15, ấp 5 (nay thuộc ấp 17), xã Phạm Văn Hai, huyện BC, Thành phố H.

(Ông Thế có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Thường vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia Thế trình bày:

Ngày 25/6/2020, bà Phạm Thị Th có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa; số thẻ: 472074-3803; hạn mức: 15.000.000đồng; ngày ký hợp đồng: 25/6/2020; Lãi suất áp dụng: 2.6%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Thường đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.100.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Thường đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.701.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Thường vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Thường vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.748.590đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà Thường vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà Thường phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 29/8/2024 là: 41.075.393 đồng. Cụ thể là: Nợ gốc: 17.748.590đồng; Lãi quá hạn: 23.326.803đồng; Lãi suất áp dụng: 3.9% (2.6% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Thường, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Thường vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Phạm Thị Th:

Buộc bà Phạm Thị Th phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: 41.075.393 đồng (trong đó: Nợ gốc: 17.748.590đồng; Lãi quá hạn: 23.326.803đồng). Đồng thời, buộc bà Phạm Thị Th có trách nhiệm thanh toán

khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đối với bị đơn bà Phạm Thị Th. Bị đơn bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th có nơi cư trú tại: nhà không số, tổ 15, ấp 5 (nay thuộc ấp 17), xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T là ông Trần Gia Thế có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Phạm Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Gia Thế và bà Phạm Thị Th theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự của các bên đương sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không

có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Bà Phạm Thị Th vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên bà Phạm Thị Th từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nội dung hợp đồng mà phía nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Gia Thế thì ngày 25/6/2020, bà Phạm Thị Th có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Thường đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.100.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Thường đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.701.000đồng. Như vậy, nội dung hợp đồng mà các bên xác lập thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực, phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Thường vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Thường vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 29/8/2024, bà Phạm Thị Th còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T các khoản sau: nợ gốc là: 17.748.590 đồng và nợ lãi quá hạn là: 23.326.803đồng, tổng cộng là: 41.075.393đ (bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc: 17.748.590 đồng với lãi suất quá hạn là: 3.9%/tháng(2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.748.590 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Phạm Thị Th:

Buộc bà Phạm Thị Th phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: 41.075.393đ(bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 17.748.590 đồng và nợ lãi quá hạn là: 23.326.803 đồng.

Bà Phạm Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn bà Phạm Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bà Phạm Thị Th biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Th không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của bà Phạm Thị Th ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T phát hành thẻ với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng. Từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã cấp thẻ tín dụng cho bà Phạm Thị Th với hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Th thanh toán nợ nhưng bà Phạm Thị Th không thực hiện, do đó ngày 23/11/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[8] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa bà Phạm Thị Th với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T và căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91 và Điều 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T buộc bà Phạm Thị Th phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: 41.075.393đ(bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là: 17.748.590đồng và nợ lãi quá hạn là: 23.326.803đồng. Đồng thời, buộc bà Phạm Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Th phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: 41.075.393đ(bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là: 17.748.590đồng và nợ lãi quá hạn là: 23.326.803đồng.

[10] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Thị Th tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.053.770đồng (hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đối với bị đơn bà Phạm Thị Th về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Th có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng cộng số tiền là: 41.075.393đ (bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng), trong đó: nợ

gốc là 17.748.590đồng và nợ lãi quá hạn là: 23.326.803đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 2.053.770đồng (hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí là: 786.926đ (bảy trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0020487 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Lê Văn Cơ